

# **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

***American Auditing***



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Báo cáo của Ban Giám đốc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Du Lịch Cần Thơ trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

#### Hội Đồng Quản Trị

|                          |              |                                          |
|--------------------------|--------------|------------------------------------------|
| Ông Vu Chấn Hùng         | Chủ tịch     | Bổ nhiệm lần 2 ngày 20 tháng 04 năm 2011 |
| Ông Ngô Diệu Hưng        | Phó Chủ tịch |                                          |
| Ông Đỗ Thanh Hùng        | Thành viên   |                                          |
| Bà Du Kim Lăng           | Thành viên   |                                          |
| Ông Thang Quốc Cường     | Thành viên   |                                          |
| Ông Trang Ngọc Huỳnh     | Thành viên   |                                          |
| Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc | Thành viên   |                                          |

#### Ban Giám Đốc

|                     |                                                                                |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| Ông Vu Chấn Hùng    | Tổng Giám Đốc                                                                  |
| Ông Trương Văn Ngon | Phó Tổng Giám đốc thường trực, Giám đốc Trung tâm Điều hành theo dõi mảng dịch |
| Ông Hồ Duy Khánh    | Phó Tổng Giám đốc, Phụ trách Kế hoạch đầu tư xây dựng, theo dõi mảng Khách sạn |
| Ông Lâm Thân        | Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Nhà hàng Hoa Sứ, theo dõi mảng nhà hàng            |

#### Ban Kiểm Soát

|                    |            |
|--------------------|------------|
| Ông Đỗ Hoàng Trang | Trưởng Ban |
| Ông Ngô Tấn Khải   | Thành viên |
| Bà Tạ Thị Thục     | Thành viên |

#### Ngành nghề hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ hoạt động với ngành nghề kinh doanh chính là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu du lịch, hoạt động vui chơi, giải trí, massage, karaoke;
- Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- Vận chuyển khách du lịch đường bộ, đường thủy. Vận chuyển khách theo tuyến cố định, taxi, du thuyền;
- Khai thác bến tàu du lịch;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện, lễ hội, bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu cao tốc;
- Dịch vụ hướng dẫn viên, phiên dịch, tư vấn và tổ chức đưa học sinh du học, thu đổi ngoại tệ, tư vấn xuất nhập cảnh, các dịch vụ kinh doanh trên mạng, cung ứng dịch vụ trên mạng Internet;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, trưng bày hàng hóa, giao dịch. Thương mại bách hóa, làm đại lý, nhà phân phối hàng tiêu dùng, hóa chất, dược phẩm, điện, điện tử;
- Nhập khẩu các hàng hóa vật tư, thiết bị, máy móc cho hoạt động du lịch và tiêu dùng. Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, nông thủy sản;
- Thi công xây lắp các công trình thuộc ngành du lịch, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. San lấp mặt bằng. Mua bán vật tư, vật liệu xây dựng;
- Ươm trồng, kinh doanh các loại cây kiểng;

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Báo cáo của Ban Giám đốc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Nuôi trồng, kinh doanh các loại thủy sản, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh hàng thực phẩm chế biến, thực phẩm chức năng, hàng thủ công mỹ nghệ, rượu và thuốc lá các loại (phải có giấy phép theo qui định), bia, nước giải khát, máy móc thiết bị, phụ tùng máy móc, trang thiết bị điện, điện tử, công nghệ thông tin, văn phòng phẩm, hương liệu công nghiệp và thực phẩm, mỹ phẩm, quần áo thời trang, dụng cụ thể dục thể thao;
- Kinh doanh vật tư, vật dụng, trang thiết bị cho nhà hàng, khách sạn, hoạt động du lịch lữ hành, hành trang trí nội thất, xăng dầu, phân bón;
- Dịch vụ cho thuê sân bóng, sân tennis, bowling, thể thao dưới nước, bể bơi, kho bãi, nhà có trang bị chuyên biệt cho phòng hòa nhạc, hội trường, chiếu phim. Tổ chức ca nhạc, hòa nhạc biểu diễn nghệ thuật, trò chơi dân gian;
- Dịch vụ thẩm mỹ và chăm sóc sức khỏe.

#### Kết quả hoạt động kinh doanh

|                             | Năm 2011        | Năm 2010        |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| - Doanh thu thuần           | 102.876.835.933 | 128.233.295.045 |
| - Tổng lợi nhuận trước thuế | 4.001.526.071   | 5.988.322.254   |
| - Tỷ lệ lãi trước thuế      | 3,89%           | 4,67%           |

#### Lợi ích của các thành viên Ban Giám Đốc

Không có thành viên Ban Giám đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi Công ty Cổ Phần Du Lịch Cần Thơ, các Công ty có liên quan đến Ban Giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

#### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám Đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

#### Cam kết của Ban Giám Đốc

Chúng tôi khẳng định rằng báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi cam kết rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

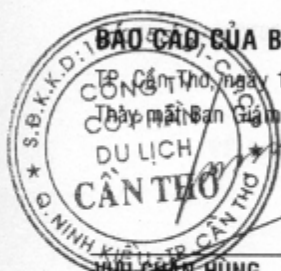
#### Kiểm toán độc lập

Công ty Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Quý Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Báo cáo của Ban Giám đốc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tại Cần Thơ, ngày 15 tháng 03 năm 2012

Thầy trưởng Ban Giám Đốc

DU LỊCH

CẦN THƠ

VU CHANH HUNG

Tổng Giám Đốc



Số : 20120330001

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

**Kính gửi:** Ban Giám Đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 04 đến trang 25 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám Đốc và Kiểm Toán Viên

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám Đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo đúng các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các xét đoán và ước tính quan trọng của Ban Giám Đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã tạo ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Du Lịch Cần Thơ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**LÊ VĂN THANH**

Giám Đốc

Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0357/KTV

Ngày 20/03/2011

*Thanh*

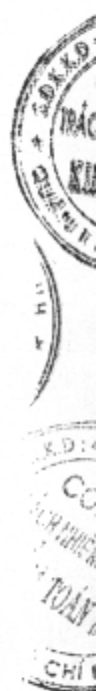
*Nguyễn Hữu Trí*

**NGUYỄN HỮU TRÍ**

Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0476/KTV

American Auditing (AA) thành lập tại Việt Nam năm 2001 được chấp thuận kiểm toán, xác định giá trị doanh nghiệp cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổng công ty nhà nước, tập đoàn nước ngoài ...theo Quyết định số 1938/QĐ-BTC của Bộ Tài chính Việt Nam, Quyết định số 1078/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Quyết định số 16227/VACPA của Hội kiểm toán viên Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ: VND

| <b>TÀI SẢN</b>                            | <b>MÃ SỐ</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>SỐ CUỐI NĂM</b>    | <b>SỐ ĐẦU NĂM</b>     |
|-------------------------------------------|--------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b>   |                    | <b>15.566.610.782</b> | <b>18.507.228.950</b> |
| Tiền & các khoản tương đương tiền         | 110          |                    | 5.489.293.840         | 6.974.723.374         |
| Tiền                                      | 111          | V.01               | 5.489.293.840         | 6.974.723.374         |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn       | 120          |                    | -                     | -                     |
| Đầu tư ngắn hạn                           | 121          |                    | -                     | 15.000.000            |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2) | 129          |                    | -                     | (15.000.000)          |
| Các khoản phải thu                        | 130          | V.02               | 7.757.487.016         | 5.468.627.996         |
| Phải thu của khách hàng                   | 131          |                    | 2.526.012.361         | 1.974.522.300         |
| Trả trước cho người bán                   | 132          |                    | 4.756.725.039         | 3.039.539.651         |
| Phải thu nội bộ                           | 133          |                    | 134.286.625           | 115.486.625           |
| Các khoản phải thu khác                   | 135          |                    | 340.462.991           | 355.462.991           |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)   | 139          |                    | -                     | (16.383.571)          |
| Hàng tồn kho                              | 140          | V.03               | 834.343.646           | 4.621.124.800         |
| Hàng tồn kho                              | 141          |                    | 834.343.646           | 4.621.124.800         |
| Tài sản ngắn hạn khác                     | 150          |                    | 1.485.486.280         | 1.442.752.780         |
| Tài sản ngắn hạn khác                     | 158          | V.04               | 1.485.486.280         | 1.442.752.780         |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b>   |                    | <b>63.620.047.785</b> | <b>61.529.390.575</b> |
| Các khoản phải thu dài hạn                | 210          |                    | -                     | -                     |
| Tài sản cố định                           | 220          |                    | 47.316.077.774        | 45.742.659.274        |
| TSCĐ hữu hình                             | 221          | V.05               | 35.658.224.801        | 34.822.460.536        |
| Nguyên giá                                | 222          |                    | 66.038.403.224        | 62.196.369.363        |
| Giá trị hao mòn lũy kế (*)                | 223          |                    | (30.380.178.423)      | (27.373.908.827)      |
| TSCĐ vô hình                              | 227          | V.06               | 8.190.704.256         | 8.190.704.256         |
| Nguyên giá                                | 228          |                    | 8.345.556.554         | 8.345.556.554         |
| Giá trị hao mòn lũy kế (*)                | 229          |                    | (154.852.298)         | (154.852.298)         |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 230          | V.07               | 3.467.148.717         | 2.729.494.482         |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn        | 250          | V.8                | 5.285.098.108         | 5.285.098.108         |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh   | 252          |                    | 5.262.788.108         | 5.262.788.108         |
| Đầu tư dài hạn khác                       | 258          |                    | 22.310.000            | 22.310.000            |
| Tài sản dài hạn khác                      | 260          |                    | 11.018.871.903        | 10.501.633.193        |
| Chi phí trả trước dài hạn                 | 261          | V.9                | 10.297.551.903        | 9.783.383.193         |
| Tài sản dài hạn khác                      | 268          | V.10               | 721.320.000           | 718.250.000           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                  | <b>270</b>   |                    | <b>79.186.658.567</b> | <b>80.036.619.525</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Bảng cân đối kế toán  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ: VND

| NGUỒN VỐN                             | MÃ SỐ      | Thuyết minh | SỐ CUỐI NĂM           | SỐ ĐẦU NĂM            |
|---------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                    | <b>300</b> |             | <b>28.303.518.136</b> | <b>29.467.288.762</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                    | <b>310</b> |             | <b>13.177.841.239</b> | <b>16.709.985.047</b> |
| Vay và nợ ngắn hạn                    | 311        | V.11        | 3.074.224.000         | 4.967.000.000         |
| Phải trả cho người bán                | 312        | V.12        | 2.582.838.185         | 2.446.196.975         |
| Người mua trả tiền trước              | 313        | V.13        | 628.882.526           | 90.190.300            |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước   | 314        | V.14        | 722.230.097           | 289.709.303           |
| Phải trả công nhân viên               | 315        |             | 2.179.992.207         | 2.757.850.297         |
| Chi phí phải trả                      | 316        | V.15        | 871.175.481           | 1.359.312.560         |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn | 319        | V.16        | 2.689.713.367         | 4.300.714.904         |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi           | 323        | V.19        | 428.785.376           | 499.010.708           |
| <b>Nợ dài hạn</b>                     | <b>330</b> |             | <b>15.125.676.897</b> | <b>12.757.303.715</b> |
| Phải trả dài hạn khác                 | 333        | V.17        | 10.081.800.000        | 10.033.000.000        |
| Vay và nợ dài hạn                     | 334        | V.18        | 4.960.210.000         | 2.625.250.000         |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm         | 336        |             | 83.666.897            | 99.053.715            |
| <b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>           | <b>400</b> |             | <b>50.883.140.431</b> | <b>50.569.330.763</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                 | <b>410</b> | V.19        | <b>50.883.140.431</b> | <b>50.569.330.763</b> |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu             | 411        |             | 47.800.800.000        | 47.800.800.000        |
| Thặng dư vốn cổ phần                  | 412        |             | -                     | -                     |
| Cổ phiếu quỹ (*)                      | 414        |             | -                     | -                     |
| Quỹ đầu tư phát triển                 | 417        |             | 2.263.470.694         | 2.109.565.860         |
| Quỹ dự phòng tài chính                | 418        |             | 812.869.737           | 658.964.903           |
| Lợi nhuận chưa phân phối              | 420        |             | 6.000.000             | -                     |
| <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>     | <b>430</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>            | <b>440</b> |             | <b>79.186.658.567</b> | <b>80.036.619.525</b> |

| CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CỐKT | MÃ SỐ | Thuyết minh | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|------------------------------|-------|-------------|-------------|------------|
| Ngoại tệ các loại (USD)      |       |             | 878,61      | 6.178,13   |
| Ngoại tệ các loại (EUR)      |       |             | 274,31      | 285,23     |

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 03 năm 2012

VÕ NGỌC MAI

VUU CHÂN HÙNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

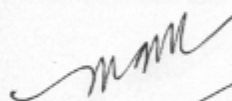
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

| CHỈ TIÊU                                                                      | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | NĂM NAY         | NĂM TRƯỚC       |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Tổng doanh thu                                                             | 01    | VI.01       | 102.932.216.430 | 128.293.629.675 |
| 2. Các khoản giảm trừ                                                         | 02    |             | 55.380.497      | 60.334.630      |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)             | 10    |             | 102.876.835.933 | 128.233.295.045 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                           | 11    | VI.02       | 94.691.638.707  | 116.370.217.756 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)               | 20    |             | 8.185.197.226   | 11.863.077.289  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                              | 21    | VI.03       | 769.563.019     | 1.885.855.709   |
| 7. Chi phí tài chính                                                          | 22    | VI.04       | 1.992.853.657   | 1.598.040.677   |
| - Trong đó : Chi phí lãi vay                                                  | 23    |             | 1.471.446.255   | 1.431.235.513   |
| 8. Chi phí bán hàng                                                           | 24    | VI.05       | 496.956.683     | 743.039.858     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                               | 25    | VI.06       | 3.486.056.819   | 5.990.702.181   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)) | 30    |             | 2.978.893.086   | 5.417.150.282   |
| 11. Thu nhập khác                                                             | 31    | VI.07       | 1.394.814.803   | 1.091.175.445   |
| 12. Chi phí khác                                                              | 32    | VI.08       | 372.181.818     | 520.003.473     |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)                                             | 40    |             | 1.022.632.985   | 571.171.972     |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)                          | 50    |             | 4.001.526.071   | 5.988.322.254   |
| 15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành                                               | 51    | VI.09       | 923.429.393     | 709.451.070     |
| 16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại                                                | 52    |             | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)              | 60    |             | 3.078.096.678   | 5.278.871.184   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)                                              | 70    |             | 651             | 1.117           |

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.


VÕ NGỌC MAI  
Kế Toán Trưởng

Tr. Cần Thơ, ngày 15 tháng 03 năm 2012

VUU CHẤN HÙNG  
Tổng Giám Đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

| CHỈ TIÊU                                                         | MÃ SỐ TM  | NĂM NAY                | NĂM TRƯỚC              |
|------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------|------------------------|
| <b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>               |           |                        |                        |
| 1 Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác          | 01        | 152.661.706.370        | 178.181.548.503        |
| 2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ            | 02        | (114.183.287.188)      | (113.551.713.366)      |
| 3 Tiền chi trả cho người lao động                                | 03        | (14.778.384.464)       | (12.960.032.434)       |
| 4 Tiền chi trả lãi vay                                           | 04        | (1.471.446.255)        | (1.431.235.513)        |
| 5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp                        | 05        | (972.467.788)          | (687.476.948)          |
| 6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                          | 06        | 2.463.051.452          | (23.225.977.103)       |
| 7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                         | 07        | (15.529.490.955)       | (13.194.314.201)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>             | <b>20</b> | <b>8.189.681.172</b>   | <b>13.130.798.938</b>  |
| <b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                  |           |                        |                        |
| 1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21        | (7.261.523.939)        | -                      |
| 2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn        | 22        | 87.444.542             | (4.766.330.729)        |
| 3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác       | 23        | -                      | 48.055.849             |
| 6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                | 26        | -                      | -                      |
| 7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia            | 27        | 756.036.903            | 508.333.553            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                 | <b>30</b> | <b>(6.418.042.494)</b> | <b>(4.209.941.327)</b> |
| <b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>              |           |                        |                        |
| 1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở        | 31        | -                      | -                      |
| 3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                           | 33        | 6.925.010.362          | 29.338.962.500         |
| 4 Tiền chi trả nợ gốc vay                                        | 34        | (6.482.826.362)        | (33.937.127.000)       |
| 6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                        | 36        | (3.708.888.328)        | (2.550.869.200)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>              | <b>40</b> | <b>(3.266.704.328)</b> | <b>(7.149.033.700)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                            | <b>50</b> | <b>(1.495.065.650)</b> | <b>1.771.823.911</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>                       | <b>60</b> | <b>6.974.723.374</b>   | <b>3.827.709.307</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ          | 61        | 9.636.116              | 1.375.190.156          |
| <b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>                      | <b>70</b> | <b>5.489.293.840</b>   | <b>6.974.723.374</b>   |

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

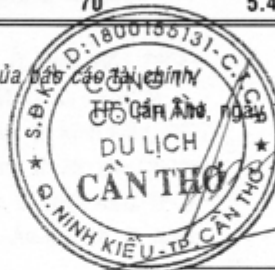
TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 03 năm 2012

*(Chữ ký)*

**VÕ NGỌC MAI**  
Kế Toán Trưởng

*(Chữ ký)*

**VUU CHẤN HÙNG**  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cổ phần Du lịch Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5703000202 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ ngày 08 tháng 05 năm 2006.

Theo Quyết định số 4468/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch Cần Thơ thành công ty cổ phần. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000202 ngày 08 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, kể từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty đã 02 lần sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cụ thể như sau:

- Sửa đổi lần 1 ngày 01/08/2008;
- Sửa đổi lần 2 ngày 02/11/2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 2, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn.)

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Tên giao dịch: CANTHO TOURIST JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CANTHO TOURIST J.S CO

Trụ sở chính: 20, Hai Bà Trưng, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty là: **50.000.000.000 VND**

Danh sách thành viên góp vốn:

Đơn vị: ngàn đồng

| Tên thành viên                  | Địa chỉ                                                                | Giá trị vốn góp   | Tỷ lệ       |
|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Vốn nhà nước                    | 20, Hai Bà Trưng, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP.Cần Thơ                  | 20.000.000        | 41,84%      |
| Công ty TNHH Bao Bì Việt Trung  | Lô B 36/II-Lô 37/II, đường số 2B, khu CN Vĩnh Lộc, Q. Bình Tân, TP HCM | 1.650.600         | 3,45%       |
| Đại diện: Đỗ Thanh Hùng         |                                                                        |                   |             |
| Công ty Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn | 134, Nguyễn Tri Phương, Q.5, TP HCM                                    | 600.000           | 1,26%       |
| Vưu Chấn Hùng                   | 100/32, Trần Văn Khéo, Q. Ninh Kiều, TPCT                              | 1.538.040         | 3,22%       |
| Ngô Diệu Hưng                   | 90A/B56, Lý Thường Kiệt, Q.10, TP HCM                                  | 1.148.640         | 2,40%       |
| Du Kim Lãng                     | 01 Bà Huyện Thanh Quan, Q. Ninh Kiều, TPCT                             | 1.600.000         | 3,35%       |
| Đỗ Thanh Hùng                   | Lô B 36/II-Lô 37/II, đường số 2B, khu CN Vĩnh Lộc, Q. Bình Tân, TP HCM | 1.562.200         | 3,27%       |
| Lê Việt Hồng                    | 15 Hải Thượng Lãn Ông, Q. Ninh Kiều, TPCT                              | 217.600           | 0,46%       |
| Lê Thị Chiến                    | 30/52 Phan Cư Trinh, P. An Nghiệp, Q. Ninh                             | 746.140           | 1,56%       |
| Các cổ đông khác                |                                                                        | 18.737.580        | 39,20%      |
| <b>Tổng cộng</b>                |                                                                        | <b>47.800.800</b> | <b>100%</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngoài ra, Công ty còn tham gia hợp đồng hợp tác liên doanh với đối tác nước ngoài, hợp đồng góp vốn đầu tư và phân chia sản phẩm và đầu tư mua trái phiếu.

Liên doanh thành lập Cty TNHH TM Du Lịch Sài Gòn- Cần thơ, vốn góp 10.525.576.216 đ, mỗi bên 50%, Cty CP Du lịch Cần Thơ 5.262.788.108 đ Tổng Cty Du Lịch Sài Gòn 5.262.788.108 đ

### 2, Ngành nghề hoạt động

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ hoạt động với ngành nghề kinh doanh chính là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu du lịch, hoạt động vui chơi, giải trí, massage, karaoke;
- Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- Vận chuyển khách du lịch đường bộ, đường thủy. Vận chuyển khách theo tuyến cố định, taxi, du thuyền;
- Khai thác bến tàu du lịch;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện, lễ hội, bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu cao tốc;
- Dịch vụ hướng dẫn viên, phiên dịch, tư vấn và tổ chức đưa học sinh du học, thu đổi ngoại tệ, tư vấn xuất nhập cảnh, các dịch vụ kinh doanh trên mạng, cung ứng dịch vụ trên mạng Internet;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, trưng bày hàng hóa, giao dịch. Thương mại bách hóa, làm đại lý, nhà phân phối hàng tiêu dùng, hóa chất, dược phẩm, điện, điện tử;
- Nhập khẩu các hàng hóa vật tư, thiết bị, máy móc cho hoạt động du lịch và tiêu dùng. Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, nông thủy sản;
- Thi công xây lắp các công trình thuộc ngành du lịch, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. San lấp mặt bằng. Mua bán vật tư, vật liệu xây dựng;
- Ươm trồng, kinh doanh các loại cây kiểng;
- Nuôi trồng, kinh doanh các loại thủy sản, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh hàng thực phẩm chế biến, thực phẩm chức năng, hàng thủ công mỹ nghệ, rượu và thuốc lá các loại (phải có giấy phép theo qui định), bia, nước giải khát, máy móc thiết bị, phụ tùng máy móc, trang thiết bị điện, điện tử, công nghệ thông tin, văn phòng phẩm, hương liệu công nghiệp và thực phẩm, mỹ phẩm, quần áo thời trang, dụng cụ thể dục thể thao;
- Kinh doanh vật tư, vật dụng, trang thiết bị cho nhà hàng, khách sạn, hoạt động du lịch lữ hành, hành trang trí nội thất, xăng dầu, phân bón;
- Dịch vụ cho thuê sân bóng, sân tennis, bowling, thể thao dưới nước, bể bơi, kho bãi, nhà có trang bị chuyên biệt cho phóng hòa nhạc, hội trường, chiếu phim. Tổ chức ca nhạc, hòa nhạc biểu diễn nghệ thuật, trò chơi dân gian;
- Dịch vụ thẩm mỹ và chăm sóc sức khỏe.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1, Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

2, Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

Số dư đầu kỳ của một số chỉ tiêu được thuyết minh lại cho phù hợp với thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính ban hành.

Vì vậy, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3, Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1, Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

**Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được xử lý kế toán theo thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

2, Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| Loại TSCĐ                       | Thời gian (năm) |
|---------------------------------|-----------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc           | 10-33           |
| Máy móc thiết bị                | 03-10           |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03-10           |

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình bao gồm quyền sử dụng đất dài hạn (không trích khấu hao).

### 4. Kế toán các khoản đầu tư tài chính;

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản khác từ công ty liên kết mà nhà đầu tư nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi của các khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:** Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:** được ghi nhận theo giá gốc.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:**

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác;

**Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

**Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ:**

Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

#### 6 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng:

- Chi phí trước hoạt động bao gồm chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Chi phí công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

#### 7 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 8 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

##### a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành.
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

##### c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

#### 13 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các bên liên quan;

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                           | 31/12/2011           | 01/01/2011           |
|-----------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt tại quỹ                                          | 345.385.095          | 320.670.132          |
| Tiền gửi ngân hàng                                        | (*) 5.143.908.745    | 6.654.053.242        |
| <b>Tổng cộng</b>                                          | <b>5.489.293.840</b> | <b>6.974.723.374</b> |
| (*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2010 | Nguyên tệ            | VND                  |
| - Đồng Việt nam (VND)                                     |                      | 5.117.947.851        |
| - Ngoại tệ                                                |                      |                      |
| + Đô la Mỹ (USD)                                          | 878,61               | 18.299.689           |
| + Đồng Euro (EUR)                                         | 274,31               | 7.661.205            |
| <b>Tổng cộng</b>                                          | <b>1.152,92</b>      | <b>5.143.908.745</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

|                                         | 31/12/2011           | 01/01/2011           |
|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>a. Phải thu khách hàng</b>           | <b>2.526.012.361</b> | <b>1.974.522.300</b> |
| -Khách sạn Quốc Tế                      | 34.303.000           | 33.473.014           |
| -Khách sạn Hoa Phượng                   | 68.483.000           | 61.010.000           |
| -Khách sạn Việt Hương                   | 47.177.398           | 47.703.323           |
| -Khách sạn Huy Hoàng                    |                      | 43.860.000           |
| -Khách sạn Tây Hồ                       |                      | 45.460.000           |
| -Nhà hàng Hoa Sứ 1                      | 266.615.103          | 477.246.103          |
| -Nhà hàng Hoa Sứ 2                      | 33.105.000           | 5.856.500            |
| -Nhà Hàng Hoa Cau                       | 21.373.400           | 4.236.500            |
| -Trung tâm Điều hành Du lịch            | 1.488.968.382        | 925.539.217          |
| -Các chi nhánh nợ                       | 250.547.078          | 263.016.072          |
| -Nợ của các đối tượng khác              | 315.440.000          | 67.121.571           |
| <b>b. Trả trước cho nhà cung cấp</b>    | <b>4.756.725.039</b> | <b>3.039.539.651</b> |
| <b>Kinh doanh</b>                       | <b>213.522.944</b>   | <b>176.068.581</b>   |
| - Trung tâm Điều hành Du lịch           | 203.522.944          | 166.068.581          |
| - Khác                                  | 10.000.000           | 10.000.000           |
| <b>Xây dựng</b>                         | <b>4.543.202.095</b> | <b>2.863.471.070</b> |
| - Nhà hàng Hoa Sứ                       | 3.060.257.684        | 1.409.061.375        |
| - Khách sạn Hậu Giang                   | 491.058.250          | 207.156.000          |
| - Khách sạn Phước Thành                 | 98.000.000           | 98.000.000           |
| - Khách sạn Hào Hoa                     | 18.443.782           | 200.000.000          |
| - Khác                                  | 875.442.379          | 949.253.695          |
| <b>c. Phải thu nội bộ ngắn hạn</b>      | <b>134.286.625</b>   | <b>115.486.625</b>   |
| <b>d. Các khoản phải thu khác</b>       | <b>340.462.991</b>   | <b>355.462.991</b>   |
| - Tiền kinh phí tổ chức lễ hội Thủy sản | 63.647.182           | 78.647.182           |
| - Khác                                  | 276.815.809          | 276.815.809          |
| <b>Tổng cộng</b>                        | <b>7.757.487.016</b> | <b>5.485.011.567</b> |
| <b>Dự phòng phải thu khó đòi</b>        |                      |                      |
| - Khu du lịch Vườn Cò                   | -                    | (16.383.571)         |
| <b>Giá trị thuần các khoản phải thu</b> | <b>7.757.487.016</b> | <b>5.468.627.996</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****3. Hàng tồn kho**

|                                            | 31/12/2011         | 01/01/2011           |
|--------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu                      | 339.437.008        | 201.362.293          |
| Hàng hóa                                   | 494.906.638        | 4.419.762.507        |
| <b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>           | <b>834.343.646</b> | <b>4.621.124.800</b> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho             | -                  | -                    |
| <b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b> | <b>834.343.646</b> | <b>4.621.124.800</b> |

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

|                                    | 31/12/2011           | 01/01/2011           |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên  | 421.486.280          | 428.752.780          |
| Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.064.000.000        | 1.014.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>1.485.486.280</b> | <b>1.442.752.780</b> |

**5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

| Chỉ tiêu               | Nhà cửa vật<br>kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện, vận<br>tải, truyền dẫn | Tổng cộng      |
|------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|----------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>      |                          |                  |                                     |                |
| Số đầu kỳ              | 49.009.130.001           | 6.278.639.459    | 6.908.599.903                       | 62.196.369.363 |
| Tăng trong kỳ          | 4.291.773.439            | 60.132.728       | 29.877.000                          | 4.381.783.167  |
| Mua trong kỳ           |                          |                  |                                     |                |
| Đầu tư XD CB           |                          |                  |                                     |                |
| Tăng khác              | 4.291.773.439            | 60.132.728       | 29.877.000                          | 4.381.783.167  |
| Giảm trong kỳ          | 113.355.000              | 96.337.500       | 330.056.806                         | 539.749.306    |
| Thanh lý               |                          |                  |                                     |                |
| Giảm khác              | 113.355.000              | 96.337.500       | 330.056.806                         | 539.749.306    |
| Số cuối kỳ             | 53.187.548.440           | 6.242.434.687    | 6.608.420.097                       | 66.038.403.224 |
| <b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>  |                          |                  |                                     |                |
| Số đầu kỳ              | 20.935.274.284           | 2.810.401.983    | 3.628.232.560                       | 27.373.908.827 |
| Tăng trong kỳ          | 2.005.718.098            | 1.012.286.243    | 528.014.560                         | 3.546.018.901  |
| Giảm trong kỳ          | 113.355.000              | 96.337.500       | 330.056.805                         | 539.749.305    |
| Số cuối kỳ             | 22.827.637.382           | 3.726.350.726    | 3.826.190.315                       | 30.380.178.423 |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b> |                          |                  |                                     |                |
| Số đầu kỳ              | 28.073.855.717           | 3.468.237.476    | 3.280.367.343                       | 34.822.460.536 |
| Số cuối kỳ             | 30.359.911.058           | 2.516.083.961    | 2.782.229.782                       | 35.658.224.801 |

**6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu

| NGUYÊN GIÁ    | Quyền sử dụng đất | Khác        | Tổng cộng     |
|---------------|-------------------|-------------|---------------|
| Số đầu kỳ     | 8.190.704.256     | 154.852.298 | 8.345.556.554 |
| Tăng trong kỳ | -                 | -           | -             |
| Giảm trong kỳ | -                 | -           | -             |
| Số cuối kỳ    | 8.190.704.256     | 154.852.298 | 8.345.556.554 |

| HAO MÒN LŨY KẾ |   |             |             |
|----------------|---|-------------|-------------|
| Số đầu kỳ      | - | 154.852.298 | 154.852.298 |
| Tăng trong kỳ  | - | -           | -           |
| Giảm trong kỳ  | - | -           | -           |
| Số cuối kỳ     | - | 154.852.298 | 154.852.298 |

| GIÁ TRỊ CÒN LẠI |               |   |               |
|-----------------|---------------|---|---------------|
| Số đầu kỳ       | 8.190.704.256 | - | 8.190.704.256 |
| Số cuối kỳ      | 8.190.704.256 | - | 8.190.704.256 |

**7, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                               | 31/12/2011           | 01/01/2011           |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Khu du lịch Hoa Sứ          | 1.396.793.094        | 1.396.793.094        |
| - Nhà hàng Hoa Sứ             | 142.264.973          |                      |
| - Khách sạn quốc tế           | 50.213.454           | 45.464.454           |
| - Khách sạn Hậu Giang         | 1.061.996.761        | 1.041.225.454        |
| - Trung tâm điều hành du lịch | 39.415.333           | 199.251.480          |
| - Khách sạn Phước Thành       | 46.760.000           | 46.760.000           |
| - Khách sạn Hào Hoa           | 701.818.182          | -                    |
| - Khách sạn Tây Hồ            | 27.886.920           | -                    |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>3.467.148.717</b> | <b>2.729.494.482</b> |

**8, Đầu tư dài hạn khác**

|                                                   | 31/12/2011           | 01/01/2011           |
|---------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>a. Đầu tư vào công ty liên doanh</b>           | <b>5.262.788.108</b> | <b>5.262.788.108</b> |
| - Công ty du lịch Sài Gòn - Cần Thơ               | 5.262.788.108        | 5.262.788.108        |
| <b>b. Đầu tư dài hạn khác</b>                     | <b>22.310.000</b>    | <b>22.310.000</b>    |
| - Công ty cổ phần thương mại SABECO Sông Hậu      | 22.310.000           | 22.310.000           |
| <b>Tổng cộng</b>                                  | <b>5.285.098.108</b> | <b>5.285.098.108</b> |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn                  | -                    | -                    |
| <b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư dài hạn</b> | <b>5.285.098.108</b> | <b>5.285.098.108</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****9, Chi phí trả trước dài hạn**

| Chi phí                 | Số đầu kỳ            | Tăng trong kỳ        | Kết chuyển vào<br>chi phí SXKD<br>trong kỳ | Số cuối kỳ            |
|-------------------------|----------------------|----------------------|--------------------------------------------|-----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 9.783.383.193        | 3.783.807.143        | 3.269.638.433                              | 10.297.551.903        |
| <b>Cộng</b>             | <b>9.783.383.193</b> | <b>3.783.807.143</b> | <b>3.269.638.433</b>                       | <b>10.297.551.903</b> |

**10, Tài sản dài hạn khác**

|                                                    | 31/12/2011         | 01/01/2011         |
|----------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| - Ký quỹ Hàng không Việt Nam - Khu vực miền Nam    | 471.320.000        | 468.250.000        |
| - Ký quỹ lý hành quốc tế tại ngân hàng Vietcombank | 250.000.000        | 250.000.000        |
| - Khác                                             | -                  | -                  |
| <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>721.320.000</b> | <b>718.250.000</b> |

**11, Các khoản vay và nợ ngắn hạn**

|                                | 31/12/2011           | 01/01/2011           |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>  | <b>900.000.000</b>   | <b>4.010.000.000</b> |
| - Ngân hàng ACB                | 900.000.000          |                      |
| - Ngân hàng Quân Đội           |                      | 4.010.000.000        |
| - Ngân hàng Việt Á             |                      |                      |
| <b>Vay dài hạn đến hạn trả</b> | <b>2.174.224.000</b> | <b>957.000.000</b>   |
| - Ngân hàng Công Thương        | 198.000.000          | 217.000.000          |
| - Ngân hàng Quân Đội           | 400.000.000          | 125.000.000          |
| - Ngân hàng ACB                | 1.576.224.000        | 615.000.000          |
| <b>Tổng cộng</b>               | <b>3.074.224.000</b> | <b>4.967.000.000</b> |

**12, Phải trả người bán**

|                               | 31/12/2011           | 01/01/2011           |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Kinh doanh</b>             | <b>2.082.728.607</b> | <b>2.186.420.437</b> |
| - Khách sạn Tây Hồ            |                      | 29.090.558           |
| - Nhà hàng Hoa sứ             | 157.771.201          | 558.323.426          |
| - Trung tâm điều hành du lịch | 1.638.271.149        | 723.453.666          |
| - Công ty CP Du Lịch Bạc Liêu |                      | 585.900.000          |
| - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh    | 286.686.257          | 289.652.787          |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

|                                |                      |                      |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Xây dựng</b>                | <b>500.109.578</b>   | <b>259.776.538</b>   |
| - Nhà cưới 2 - nhà hàng Hoa Sứ | -                    | -                    |
| - Phải trả khác                | 500.109.578          | 259.776.538          |
| <b>Tổng cộng</b>               | <b>2.582.838.185</b> | <b>2.446.196.975</b> |

|                                     |                    |                   |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| <b>13, Người mua trả tiền trước</b> | <b>31/12/2011</b>  | <b>01/01/2011</b> |
| - Khách sạn Quốc tế                 | 4.624.620          | -                 |
| - VPĐD Cty TNHH Miền Á Đông         |                    | 86.690.300        |
| - Nhà hàng Hoa sứ 1                 | 172.447.000        |                   |
| - Trung tâm Điều hành Du lịch       | 450.091.697        |                   |
| - Khác                              | 1.719.209          | 3.500.000         |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>628.882.526</b> | <b>90.190.300</b> |

|                                                    |                    |                    |
|----------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>14, Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước</b> | <b>31/12/2011</b>  | <b>01/01/2011</b>  |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                         | 503.140.117        | 236.480.671        |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt                             | 4.805.878          | 5.025.317          |
| Thuế thu nhập cá nhân                              | (4.070.605)        | 3.235.525          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                         | 4.157.959          | 44.967.790         |
| Thuế nhà đất                                       | 214.196.748        |                    |
| <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>722.230.097</b> | <b>289.709.303</b> |

\* Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước có thể thay đổi khi Cơ quan thuế tiến hành quyết toán thuế tại đơn vị.

|                               |                    |                      |
|-------------------------------|--------------------|----------------------|
| <b>15, Chi phí phải trả</b>   | <b>31/12/2011</b>  | <b>01/01/2011</b>    |
| - Nhà hàng Hoa Sứ             | 47.610.870         | 22.100.000           |
| - Trung tâm Điều hành Du Lịch | 76.816.150         | 62.599.905           |
| - Khác                        | 746.748.461        | 1.274.612.655        |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>871.175.481</b> | <b>1.359.312.560</b> |

|                                                       |                   |                   |
|-------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>16, Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b> | <b>31/12/2011</b> | <b>01/01/2011</b> |
| - Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp               | 18.371.830        | (30.265.891)      |
| - Bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn                   | (12.993.150)      | 98.798.211        |
| - Tiền bảo lãnh công trình Hoa Sứ                     | 100.000.000       | 100.000.000       |
| - Phải trả tiền bán cổ phần                           | 1.245.720         | 1.245.720         |
| - Phải trả cổ tức                                     | 2.255.896.572     | 3.817.688.793     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

|                                                                   |                       |                       |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác                               | 327.192.395           | 313.248.071           |
| <b>Tổng cộng</b>                                                  | <b>2.689.713.367</b>  | <b>4.300.714.904</b>  |
| <b>17, Phải trả dài hạn khác</b>                                  | <b>31/12/2011</b>     | <b>01/01/2011</b>     |
| Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn                            | 10.081.800.000        | 10.033.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b>                                                  | <b>10.081.800.000</b> | <b>10.033.000.000</b> |
| <b>18, Vay và nợ dài hạn</b>                                      | <b>31/12/2011</b>     | <b>01/01/2011</b>     |
| - Ngân hàng Công Thương                                           | 76.000.000            | 274.000.000           |
| - Ngân hàng Á Châu                                                | 3.809.210.000         | 2.101.250.000         |
| - Ngân hàng Quân Đội                                              | 1.075.000.000         | 250.000.000           |
| <b>Tổng cộng</b>                                                  | <b>4.960.210.000</b>  | <b>2.625.250.000</b>  |
| <b>19, Tình hình góp vốn điều lệ</b>                              |                       |                       |
| <b>a. + Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước</b> |                       |                       |

| Khoản mục                      | Số dư đầu năm         | Tăng trong năm       | Giảm trong năm       | Số dư cuối năm        |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu      | 47.800.800.000        | -                    | -                    | 47.800.800.000        |
| Thặng dư vốn cổ phần           | 193.687.500           | -                    | 193.687.500          | -                     |
| Cổ phiếu quỹ                   | (894.062.500)         | 894.062.500          | -                    | -                     |
| Quỹ đầu tư phát triển          | 2.100.489.790         | 709.451.070          | 700.375.000          | 2.109.565.860         |
| Quỹ dự phòng tài chính         | 430.493.897           | 228.471.006          | -                    | 658.964.903           |
| Quỹ khác thuộc VCSH            | -                     | -                    | -                    | -                     |
| LN sau thuế chưa phân phối (*) | -                     | 5.278.871.184        | 5.278.871.184        | -                     |
| <b>Cộng</b>                    | <b>49.631.408.687</b> | <b>7.110.855.760</b> | <b>6.172.933.684</b> | <b>50.569.330.763</b> |

**+ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay**

| Khoản mục                 | Số dư đầu năm  | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số dư cuối năm |
|---------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 47.800.800.000 | -              | -              | 47.800.800.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần      | -              | -              | -              | -              |
| Cổ phiếu quỹ              | -              | -              | -              | -              |
| Quỹ đầu tư phát triển     | 2.109.565.860  | 153.904.834    | -              | 2.263.470.694  |
| Quỹ dự phòng tài chính    | 658.964.903    | 153.904.834    | -              | 812.869.737    |
| Quỹ khác thuộc VCSH       | -              | -              | -              | -              |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

|                                |                       |                      |                      |                       |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| LN sau thuế chưa phân phối (*) | -                     | 3.078.096.678        | 3.072.096.678        | 6.000.000             |
| <b>Cộng</b>                    | <b>50.569.330.763</b> | <b>3.385.906.346</b> | <b>3.072.096.678</b> | <b>50.883.140.431</b> |

|                                          | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
|------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>(*) Chi tiết giảm trong năm:</b>      | <b>3.072.096.678</b> | <b>5.278.871.184</b> |
| + Chia cổ tức                            | 2.236.318.742        | 3.699.727.998        |
| + Quỹ đầu tư và phát triển               | 153.904.834          | 709.451.070          |
| + Quỹ dự phòng tài chính                 | 153.904.834          | 228.471.006          |
| + Quỹ khen thưởng phúc lợi               | 307.809.668          | 456.942.011          |
| + Chia lãi liên kết                      | 58.158.600           | 88.279.099           |
| + Chi lương của hội đồng quản trị và BKS | 162.000.000          | 96.000.000           |

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2010.**

Đơn vị: ngàn đồng

| <b>Tên thành viên</b>           | <b>Giá trị vốn góp</b> | <b>Lượng CP nắm</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|---------------------------------|------------------------|---------------------|--------------|
| Vốn nhà nước                    | 20.000.000             | 2.000.000           | 41,84%       |
| Công ty TNHH Bao Bì Việt Trung  | 1.650.600              | 165.060             | 3,45%        |
| Đại diện: Đỗ Thanh Hùng         |                        |                     |              |
| Công ty Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn | 600.000                | 60.000              | 1,26%        |
| Vưu Chấn Hùng                   | 1.538.040              | 153.804             | 3,22%        |
| Ngô Diệu Hưng                   | 1.148.640              | 114.864             | 2,40%        |
| Du Kim Lăng                     | 1.600.000              | 160.000             | 3,35%        |
| Đỗ Thanh Hùng                   | 1.562.200              | 156.220             | 3,27%        |
| Lê Việt Hồng                    | 217.600                | 21.760              | 0,46%        |
| Lê Thị Chiến                    | 746.140                | 74.614              | 1,56%        |
| Trịnh Quang Tiến                | 2.700.000              | 270.000             | 5,65%        |
| Các cổ đông khác                | 16.037.580             | 1.603.758           | 33,55%       |
| <b>Tổng cộng</b>                | <b>47.800.800</b>      | <b>4.780.080</b>    | <b>100%</b>  |

**c. Cổ phiếu**

|                                               | <b>Năm nay</b>   | <b>Năm trước</b> |
|-----------------------------------------------|------------------|------------------|
| <b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>    | <b>5.000.000</b> | <b>5.000.000</b> |
| <b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b> | <b>4.780.080</b> | <b>4.780.080</b> |
| - Cổ phiếu phổ thông                          | 4.780.080        | 4.780.080        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                             | -                | -                |
| <b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>         | <b>55.375</b>    | <b>55.375</b>    |
| - Cổ phiếu phổ thông                          | 55.375           | 55.375           |
| - Cổ phiếu ưu đãi                             | -                | -                |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>        | <b>4.724.705</b> | <b>4.724.705</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

|                                           |           |           |
|-------------------------------------------|-----------|-----------|
| - Cổ phiếu phổ thông                      | 4.724.705 | 4.724.705 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                         |           | -         |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành ( VND ) | 10.000    | 10.000    |

**d. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|                                                                                                                     | Năm nay       | Năm trước     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                    | 3.078.096.678 | 5.278.871.184 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ | -             | -             |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông                                                                            | 3.078.096.678 | 5.278.871.184 |
| Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ                                                                   | 4.724.705     | -             |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                                                                     | <b>651</b>    | <b>1.117</b>  |

**d. Các quỹ và nguồn của doanh nghiệp**

|                   | Năm nay            | Năm trước          |
|-------------------|--------------------|--------------------|
| - Quỹ khen thưởng | 270.600.480        | 311.484.679        |
| - Quỹ phúc lợi    | 158.184.896        | 187.526.029        |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>428.785.376</b> | <b>499.010.708</b> |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                      | Năm nay                | Năm trước              |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Tổng doanh thu</b>                | <b>102.932.216.430</b> | <b>128.293.629.675</b> |
| Doanh thu bán hàng hóa               | 55.176.737.565         | 57.026.418.834         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ           | 47.755.478.865         | 71.267.210.841         |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b> | <b>55.380.497</b>      | <b>60.334.630</b>      |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt               | 55.380.497             | 60.334.630             |
| <b>Doanh thu thuần</b>               | <b>102.876.835.933</b> | <b>128.233.295.045</b> |

**2. Giá vốn hàng bán**

|                                 | Năm nay               | Năm trước              |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 50.425.493.719        | 51.479.360.740         |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 44.266.144.988        | 64.890.857.016         |
| <b>Tổng cộng</b>                | <b>94.691.638.707</b> | <b>116.370.217.756</b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                             | Năm nay     | Năm trước   |
|-----------------------------|-------------|-------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay  | 448.228.403 | 195.619.853 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 307.808.501 | 312.713.700 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

|                                        |                      |                      |
|----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện     | 13.526.115           | 1.377.522.156        |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>769.563.019</b>   | <b>1.885.855.709</b> |
| <b>4, Chi phí tài chính</b>            |                      |                      |
|                                        | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
| Chi phí lãi vay                        | 1.471.446.255        | 1.431.235.513        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện      | 521.407.402          | 166.805.164          |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn      | -                    | -                    |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>1.992.853.657</b> | <b>1.598.040.677</b> |
| <b>5, Chi phí bán hàng</b>             |                      |                      |
|                                        | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
| Chi phí nhân viên                      | 244.791.520          | 222.921.170          |
| Chi phí nguyên vật liệu, công cụ       | 11.407.840           | 8.026.255            |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                  | 59.446.620           | 59.446.620           |
| Chi phí tiền thuê đất                  | 47.432.001           | 31.000.000           |
| Chi phí phân bổ                        | 28.777.863           | 19.439.683           |
| Chi phí khác                           | 105.100.839          | 402.206.130          |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>496.956.683</b>   | <b>743.039.858</b>   |
| <b>6, Chi phí quản lý doanh nghiệp</b> |                      |                      |
|                                        | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
| Chi phí nhân viên                      | 1.626.030.663        | 3.604.192.699        |
| Chi phí đồ dùng văn phòng              | 96.914.674           | 94.380.041           |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                  | 232.446.821          | 246.401.856          |
| Thuế, phí và lệ phí                    | (240.962.132)        | 375.368.156          |
| Chi phí dự phòng                       | 27.843.486           | 27.666.309           |
| Chi phí phân bổ                        | 158.019.814          | 199.415.300          |
| Chi phí khác                           | 1.585.763.493        | 1.443.277.820        |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>3.486.056.819</b> | <b>5.990.702.181</b> |
| <b>7, Thu nhập khác</b>                |                      |                      |
|                                        | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
| Thu tài trợ                            | 392.813.721          | -                    |
| Thu công cụ nợ                         | 1.500.001            | 487.172.837          |
| Thu lại tiền thuê đất                  | 858.072.775          | -                    |
| Thu cho thuê mặt bằng                  | 54.545.455           | -                    |
| Thu thanh lý TSCĐ                      | 87.444.542           | -                    |
| Thu nhập khác                          | 438.309              | 604.002.608          |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>1.394.814.803</b> | <b>1.091.175.445</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****8. Chi phí khác**

|                                | Năm nay            | Năm trước          |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí tài trợ                |                    | 111.692.469        |
| Chi phí trang phục trích trước | 196.025.493        |                    |
| Chi khác                       | 176.156.325        | 408.311.004        |
| <b>Tổng cộng</b>               | <b>372.181.818</b> | <b>520.003.473</b> |

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|                                                                                                                | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán                                                                                              | <b>4.001.526.071</b> | <b>5.988.322.254</b> |
| Các khoản điều chỉnh giảm                                                                                      | 307.808.501          | 312.713.694          |
| - Thu nhập từ liên doanh                                                                                       | 307.808.501          | 312.713.694          |
| Các khoản điều chỉnh tăng                                                                                      | -                    | -                    |
| - Các khoản chi phí không hợp lý                                                                               | -                    | -                    |
| <b>Lợi nhuận ước tính thuế TNDN</b>                                                                            | <b>3.693.717.570</b> | <b>5.675.608.560</b> |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (thuế suất 25%)                | 923.429.393          | 709.451.070          |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay. | -                    | -                    |
| - Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                                            | -                    | -                    |
| <b>Chi phí Thuế TNDN hiện hành</b>                                                                             | <b>923.429.393</b>   | <b>709.451.070</b>   |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác.
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- Thông tin về các bên liên quan
- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận
- Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

| Chỉ tiêu                                            | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------------------------|---------|-----------|
| <b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b> |         |           |
| 1.1 Bố trí cơ cấu tài sản ( % )                     |         |           |
| - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản                    | 80,34%  | 76,88%    |
| - Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản                   | 19,66%  | 23,12%    |
| 1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn ( % )                   |         |           |
| - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn                      | 35,74%  | 36,82%    |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn             | 64,26%  | 63,18%    |



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 2. Khả năng thanh toán

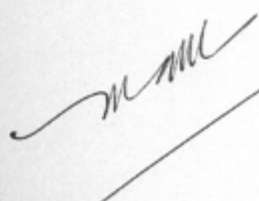
|                                             |      |      |
|---------------------------------------------|------|------|
| 2.1 Khả năng thanh toán hiện hành ( lần )   | 2,80 | 2,72 |
| 2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn ( lần ) | 1,18 | 1,11 |
| 2.3 Khả năng thanh toán nhanh ( lần )       | 0,42 | 0,42 |

#### 3. Tỷ suất sinh lời

|                                                          |       |        |
|----------------------------------------------------------|-------|--------|
| 3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần ( % )         |       |        |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần      | 3,89% | 4,67%  |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần        | 2,99% | 4,12%  |
| 3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản ( % )            |       |        |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản         | 5,05% | 7,48%  |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản           | 3,89% | 6,60%  |
| 3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu | 6,05% | 10,44% |

#### 6. Thông tin về hoạt động liên tục

#### 7. Những thông tin khác.

  
VÕ NGỌC MAI  
Kế Toán Trưởng



Cần Thơ, ngày 15 tháng 03 năm 2012

  
VŨ CHẤN HÙNG  
Tổng Giám Đốc